TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65**/2023/DS-ST
Ngày: 05/6/2023
"Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Sơn

2. Bà Trần Thị Như Quỳnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Xuân Cường là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên lương tham gia phiên tòa***: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Tuyết M, sinh năm 1976, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp H, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1986, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp H, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại tòa án nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết M trình bày như sau:

Nguyên vào ngày 06/6/2022 bà M đã cho ông Nguyễn Ngọc Th mượn số tiền là 100.000.000đ (ông Th ứng trước tiền tài công) để ông Th làm tài công đi ghe của bà và ông Th mượn số tiền này để trả tiền cho ghe Bích Như. Ông Th có đi

ghe cho bà được một thời gian khoảng hơn 01 tháng thì ông Th nghỉ và sau đó bà tính toán chi phí chi trả tài công cho ông Th được số tiền là 11.600.000đ, số tiền này bà cấn trừ vào số tiền ông Th mượn và còn nợ là 88.400.000đ.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Ngọc Th trả số tiền còn nợ là 88.400.000đ và không yêu cầu tính lãi suất. Tại phiên tòa, sau khi ông Th yêu cầu trả từ từ số nợ thì bà M đồng ý cho ông Th trả nợ từ từ mỗi tháng là 1.800.000đồng cho đến khi hết số nợ vay.

Tại bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Ngọc Th trình bày: Ông Th thừa nhận nguyên vào tháng 6/2022 bà Trương Thị Tuyết M có cho ông mượn số tiền 100.000.000đ (Tiền ông ứng trước làm tài công chạy ghe cho bà M) để trả cho bà Nguyễn Thị Bích Nh, để đổi lại ông về chạy tài công cho ghe của bà M. Ông về chạy tài công được khoảng hơn 01 tháng thì bà M kêu ông chạy ghe về bến không cho ông chạy ghe nữa. Lý do bà M đưa ra là người thủy thủ trong ghe không chịu ông chạy tài công, phải đổi người khác. Lý do như vậy là không chính đáng, chỉ nghe lời một phía là các thủy thủ cùng nhau tố cáo ông là sai sự thật.

Nay ông cũng thừa nhận còn thiếu tiền bà M số tiền 88.400.000đ, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, không thể trả nợ cho bà M được và ông xin trả mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi nào hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Th có nơi cư trú tại: Tổ 02, ấp H, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Giữa bà M và ông Nguyễn Ngọc Th có giao dịch dân sự vay tiền với nhau, bà M có cho ông Th vay số tiền 100.000.000đ để trả cho bà Nguyễn Thị Bích Nh, để đổi lại ông Th về chạy tài công cho ghe của bà M. Ông Th có đi ghe cho bà M được một thời gian khoảng hơn 01 tháng thì ông Th nghỉ và sau khi bà M tính toán chi phí chi trả tài công cho ông Th là 11.600.000đ, số tiền này bà M cấn trừ vào số tiền ông Th mượn và hiện còn nợ lại số tiền 88.400.000đ.

Xét yêu cầu của bà M yêu cầu ông Th trả nợ vay số tiền 88.400.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, giữa bà M, ông Th có giao dịch vay tiền với nhau và phía ông Th cũng thừa nhận có vay tiền của bà M để chi trả cho bà Nguyễn Thị Bích Nh, hiện còn nợ lại số tiền 88.400.000 đồng

[3] Về lãi suất: Bà M không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xém xét.

[4] Xét thấy tại phiên tòa ông Th xin trả chậm mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ do phía nguyên đơn không đồng ý và pháp luật cũng không quy định về việc trả chậm. Do đó, về cách thức thanh toán số nợ thuộc thẩm quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M và buộc ông Nguyễn Ngọc Th trả nợ vay số tiền 88.400.000đ cho bà M.

[5] Về án phí: Ông Th bị buộc trả số nợ vay số tiền 88.400.000đ nên phải chịu án phí theo quy định. Bà M được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 463; 466; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Tuyết M.

Buộc ông Nguyễn Ngọc Th phải có nghĩa vụ trả nợ vay số tiền 88.400.000đ (Tám mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng) cho bà Trương Thị Tuyết M

Kể từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Ngọc Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.420.000đồng (Bốn triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Bà Trương Thị Tuyết M được nhận lại tạm ứng án phí số tiền là 2.210.000đ (Hai triệu, hai trăm mười nghìn đồng) theo lai thu số 0006910 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/6/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- THA dân sự h. Kiên Lương;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Cao Thị Mai